CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: **Quản trị kinh doanh**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**
Mã ngành: **7340101**
Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

1. **Thời gian đào tạo**: 4 năm (8 học kỳ, 2 học kỳ/ năm).
2. **Khối lượng kiến thức toàn khóa**: 130 tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất).
3. **Nội dung chương trình đào tạo (tên và khối lượng các học phần)**

3.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 35 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0301001769	Triết học Mac - Lênin	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	
7	0301000292	Luật kinh tế	2	
8	0301000946	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	
9	0301000947	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	
10	0301001673	Tin học căn bản	3	
11	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1	
12	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**		
13	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**		
14	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1	
15	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**		
16	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**		
17	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1	
18	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**		
19	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**		
20	0301000650	Giáo dục quốc phòng – An ninh **	8	
21	0301000668	Toán cao cấp	3	
22	0301001080	Toán kinh tế	3	
23	0301001403	Thống kê kinh doanh	3	
Tổng			**35 + 11**	

3.2. Kiến thức cơ sở khối ngành: 25 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0301000236	Kinh tế vi mô	3	
2	0301000898	Kinh tế vĩ mô	3	
3	0301000233	Kinh tế quốc tế	3	
4	0301000367	Nguyên lý kế toán	3	
5	0301001051	Nguyên lý Marketing	3	
6	0301000446	Quản trị học	3	
7	0301000687	Thuế	2	
8	0301001830	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	
9	0301000390	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	
Tổng			**25**	

3.3. Kiến thức ngành: 70 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0301001619	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	
2	0301001620	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	
3	0301000335	Nghiên cứu Marketing	3	
4	0301000489	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	
5	0301001414	Quản trị Marketing	3	
6	0301000461	Quản trị thương hiệu	3	
7	0301000440	Quản trị chiến lược	3	
8	0301001247	Lập và phân tích dự án	3	
9	0301000456	Quản trị nguồn nhân lực	3	
10	0301000439	Quản trị chất lượng	3	
11	0301000460	Quản trị tài chính	3	
12	0301000459	Quản trị sản xuất	3	
13	0301001831	Thực tập nghề nghiệp	4	
14	0301001755	Thực tập tốt nghiệp	4	
15	0301001759	Loại hình 1: Khóa luận tốt nghiệp	8	
16		Loại hình 2:	8	
17	0301001758	- Tiểu luận tốt nghiệp.	4	
18		- Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 học phần trong những học phần tự chọn).	4	
Phần tự chọn			**15**	
19	0301000438	Quản trị bán hàng	3	
20	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	
21	0301000493	Thanh toán quốc tế	3	
22	0301000376	Nhượng quyền thương mại	2	
23	0301000605	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	
24	0301001832	Truyền thông Marketing	3	
25	0301000445	Quản trị hệ thống thông tin	2	
26	0301000443	Quản trị cung ứng và Logistic	3	
27	0301001186	Quản trị sự thay đổi	2	
28	0301001404	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3	
29	0301001833	Marketing ứng dụng	3	
30	0301000314	Marketing quốc tế	2	
31	0301000310	Marketing du lịch	2	
32	0301001834	Giao tiếp trong kinh doanh	2	
33	0301001835	Marketing công nghiệp	2	
34	0301001757	Quản trị doanh nghiệp	2	
35	0301001836	Khởi sự kinh doanh	2	
36	0301001837	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	
37	030101846	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	
38	0301000457	Quản trị rủi ro	3	
39	0301001847	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	
40	0301000499	Thị trường tài chính	2	
41	0301001848	Lý thuyết bảo hiểm	2	
42	0301000453	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	
Tổng			**70**	
TỔNG CỘNG: 130 TÍN CHỈ (Bắt buộc: 112 TC; Tự chọn: 15 TC) và 11 TC học phần điều kiện.				

4. Kế hoạch giảng dạy: (Dự kiến)

Học kỳ 1:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2		30	
2	0301001673	Tin học căn bản	3	3			90
3	0301000668	Toán cao cấp	3	3		45	
4	0301000446	Quản trị học	3	3		30	30
5	0301000650	Giáo dục quốc phòng**	8	8		165	
6	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1	1			30
7	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**	1				
8	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**	1				
Tổng:			**11+9**	**11+9**		**135**	**90**

Học kỳ 2:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301001769	Triết học Mac - Lênin	3	3		45	
2	0301000292	Luật kinh tế	2	2		30	
3	0301000946	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	4		60	
4	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1	1			30
5	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**	1				
6	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**	1				
7	0301001051	Nguyên lý Marketing	3	3		30	30
8	0301001403	Thống kê kinh doanh	3	3		30	30
9	0301000236	Kinh tế vi mô	3	3		30	30
Tổng:			**18+1**	**18+1**		**225**	**150**

Học kỳ 3:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30	
2	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	
3	0301000947	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	4		60	
4	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1	1			30
5	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**	1				
6	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**	1				
7	0301000898	Kinh tế vĩ mô	3	3		30	30
8	0301000367	Nguyên lý kế toán	3	3		30	30
9	0301001830	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	2		30	
Tổng:			**16+1**	**16+1**		**195**	**120**

Học kỳ 4:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301001080	Toán kinh tế	3	3		30	30
2	0301000687	Thuế	2	2		15	30
3	0301000390	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	3		30	30

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2		30	
5	0301000233	Kinh tế quốc tế	3	3		30	30
6	0301001619	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	3		45	
7	0301000335	Nghiên cứu Marketing	3	3		45	
Tổng:			**19**	**19**		**240**	**120**

Học kỳ 5:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301000489	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	3		45	
2	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	
3	0301001620	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	3		45	
4	0301000459	Quản trị sản xuất	3	3		30	30
5	0301000493	Thanh toán quốc tế	3	3		30	30
6	0301000605	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3		5	45	
7	0301000445	Quản trị hệ thống thông tin	2			15	30
8	0301001847	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2			30	
9	0301000376	Nhượng quyền thương mại	2			30	
10	0301000499	Thị trường tài chính	2			30	
11	0301001848	Lý thuyết bảo hiểm	2			30	
12	0301001832	Truyền thông Marketing	3			30	30
Tổng:			**19**	**14**	**5**	180-195	90

Học kỳ 6:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301000460	Quản trị tài chính	3	3		30	30
2	0301001414	Quản trị Marketing	3	3		30	30
3	0301000439	Quản trị chất lượng	3	3		30	30
4	0301001831	Thực tập nghề nghiệp	4	4		0	120
5	0301000456	Quản trị nguồn nhân lực	3	3		30	30
6	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2		5	30	
7	0301001404	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3			30	30
8	0301000443	Quản trị cung ứng và Logistic	2			15	30
9	0301001186	Quản trị sự thay đổi	2			15	30
10	0301001833	Marketing ứng dụng	3			30	30
11	0301000314	Marketing quốc tế	2			30	
12	0301000310	Marketing du lịch	2			30	
Tổng:			**21**	**16**	**5**	150-165	240-270

Học kỳ 7:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301000461	Quản trị thương hiệu	3	3		30	30
2	0301001247	Lập và phân tích dự án	3	3		30	30
3	0301000440	Quản trị chiến lược	3	3		30	30
4	0301000438	Quản trị bán hàng	3		5	30	30

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
5	0301001834	Giao tiếp trong kinh doanh	2			30	
6	0301001837	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3			30	30
7	0301001846	Phân tích hoạt động kinh doanh	2			15	30
8	0301000457	Quản trị rủi ro	3			30	30
9	0301000161	Hành vi tổ chức	3			45	
10	0301001835	Marketing công nghiệp	2			15	30
Tổng:			**14**	**9**	**5**	135-150	150-180

Học kỳ 8:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301001755	Thực tập thực tế	4	4			360
2	0301001759	Loại hình 1: Khóa luận tốt nghiệp	8	8			
		Loại hình 2:	8	8			
3	0301001758	- Tiểu luận tốt nghiệp.	4	4			
4	0301001757	- Quản trị doanh nghiệp.	2				
5	0301001836	- Khởi sự kinh doanh.	2	4		30	60
6	0301000453	- Quản trị kinh doanh quốc tế.	2				
Tổng			**12**	**12**		**30**	**420**

Ghi chú: **: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

`

HIỆU TRƯỞNG